

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/01/2024
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Kim Anh, bà Trương Thị Nhó.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Hưng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 10/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh T ham chơi bời, cờ bạc, chị đã khuyên can nhưng anh T không từ bỏ. Chị và anh T sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Quỳnh A, sinh ngày 30/4/2019. Hiện nay cháu Quỳnh A đang sinh sống với chị T nên chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ tất cả các văn bản tố tụng của vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gì nộp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 178, 195, 196, 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa. Thư ký thực hiện việc tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng cho đương sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Quỳnh A, sinh ngày 30/4/2019 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn không đến

Tòa án tham gia tố tụng. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị vào ngày 10/02/2017, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Tại biên bản xác minh ngày 17/10/2023, Hội liên hiệp phụ nữ xã H cung cấp thông tin: Trong sinh hoạt hàng ngày, do bất đồng quan điểm sống nên giữa chị T và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, chị T và anh T đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T.

[4]. Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Quỳnh A, sinh ngày 30/4/2019. Từ năm 2022 đến nay, cháu Quỳnh A sinh sống với chị T và chị T cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản xác minh ngày 17/10/2023, giáo viên chủ nhiệm của cháu Nguyễn Lê Quỳnh A cung cấp thông tin: Cháu Quỳnh A học tại trường từ tháng 9/2023 cho đến nay, quá trình cháu học tập được mẹ là chị Lê Thị T trực tiếp đưa đón, đóng tiền học, tiền ăn cho cháu. Chị T cũng đã cung cấp cho Tòa án bảng lương của bản thân với mức lương trên 6.500.000đồng/tháng. Thấy rằng, cháu Nguyễn Lê Quỳnh A đang còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ, chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con cái. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Lê Quỳnh A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Quỳnh A, sinh ngày 30/4/2019 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai thu số CC/2021/0000428 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- VKS, THADS huyện Hải Lăng;
- Các đương sự;
- UBND xã Hải Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Khánh